



## MEDICAL TOURISM AND PROBLEMS FOR VIETNAM'S MEDICAL TOURISM, PAST COVID-19

Nguyen Ngoc Diep<sup>1,\*</sup>

<sup>1</sup>Dong Nai Technology University, Vietnam

\*Email address: [nguyenngocdiep@dnvu.edu.vn](mailto:nguyenngocdiep@dnvu.edu.vn).

<http://doi.org/10.51453/2354-1431/2021/584>

---

### Article info

*Received: 05/6/2021*

*Accepted: 05/7/2021*

---

### Keywords:

*Covid-19, Medical tourism, Vietnam tourism, Vietnamese health.*

---

### Abstract:

Medical tourism is no longer a new business model in the world with many successes from countries in the region. However, in Vietnam, this activity still operates separately, has not yet formed a complete product, making the tourism and health sector not achieve the revenue as inherent potential. With practical synthesis, analysis and assessment of the current status of the research, the article serves as a directional contribution to Vietnam's medical tourism business in the medical period - health is "commodity". business brings a lot of economic, prestigious and political and diplomatic significance for our country in the future.



## DU LỊCH Y TẾ VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA CHO HOẠT ĐỘNG DU LỊCH Y TẾ CỦA VIỆT NAM HẬU COVID-19

Nguyễn Ngọc Diệp<sup>1,\*</sup>

<sup>1</sup>Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai, Việt Nam

\*Email address: [nguyenngocdiep@dnvu.edu.vn](mailto:nguyenngocdiep@dnvu.edu.vn)

<http://doi.org/10.51453/2354-1431/2021/584>

### Thông tin bài viết

Ngày nhận bài: 05/6/2021

Ngày duyệt đăng: 05/7/2021

### Từ khóa:

*Covid-19, Du lịch chữa bệnh, Du lịch y tế, Du lịch Việt Nam, y tế Việt Nam.*

### Tóm tắt

Du lịch y tế không còn là mô hình kinh doanh mới trên thế giới với nhiều thành công từ các quốc gia trong khu vực. Tuy nhiên tại Việt Nam hoạt động này còn hoạt động đơn lẻ, chưa hình thành một sản phẩm hoàn chỉnh khiến cho ngành du lịch và y tế chưa đạt được doanh thu như tiềm lực vốn có. Với những tổng hợp thực tế, phân tích và đánh giá thực trạng nghiên cứu, bài viết như một góp ý định hướng cho việc kinh doanh du lịch y tế của Việt Nam trong giai đoạn y tế - sức khỏe đang là “mặt hàng” kinh doanh mang nhiều ý nghĩa về kinh tế, uy tín và chính trị ngoại giao cho nước ta trong tương lai.

### 1. Đặt vấn đề

Năm 2020 khép lại với thành tích đáng nể của lực lượng y bác sĩ Việt Nam cùng những kỳ tích được thế giới nể phục, như: cứu chữa thành công các ca bệnh nhiễm Covid-19 thể nặng, tham gia điều chế và thử nghiệm lâm sàng vắc xin điều trị Covid-19, phẫu thuật tách rời cặp song sinh Trúc Nhi - Diệu Nhi, đưa vào vận hành bệnh viện chuyên điều trị Tim mạch và đột quy tại Cần Thơ,... Thực tế, ngành du lịch cả thế giới bị ngưng trệ, ngành y tế các nước đang đứng trước bờ vực khủng hoảng trầm trọng, người dân thế giới đang ngày một thêm lo lắng về các căn bệnh hiện đại. Và loại hình Du lịch y tế không còn xa lạ với nhiều nước phát triển trên thế giới và đây cũng là nguồn ngân sách chính của một số quốc gia đặc biệt là các quốc gia ở châu Á, như: Hàn Quốc, Thái Lan, Singapore, Ấn Độ... những quốc gia có nền y học

phát triển. Từ năm 2015 và 2017 đến nay, du lịch chữa bệnh tại Việt Nam đã được manh nha với việc người dân từ các vùng quê, y tế còn yếu và thiếu đồ dùng về các thành phố lớn để điều trị bệnh (điều trị nội - ngoại trú), hay những đoàn người từ Campuchia, hoặc bà con Việt kiều về nước thăm thân kết hợp điều trị một số bệnh về nha khoa, da liễu hoặc xương khớp,... Thị trường khách nội địa và quốc tế đến vì mục đích chữa bệnh kết hợp du lịch ngày càng tăng do sự phát triển của ngành y học của Việt Nam chúng ta đã và đang được thế giới công nhận. Mặc khác chi phí điều trị và sinh hoạt tại Việt Nam thuộc vào hàng ngũ quốc gia đang phát triển, chi phí xã hội thấp nên đang được người dân các quốc gia phát triển cân nhắc trong kế hoạch du lịch chữa bệnh của họ. Ngành Du lịch và ngành Y tế Việt Nam đã nhìn nhận được những lợi

điểm mà Du lịch y tế mang đến nhưng để Du lịch y tế góp phần vực dậy ngành Du lịch và ngành Kinh tế Việt Nam thì còn rất nhiều điều cần phải chung tay góp sức của các ngành, các tổ chức và cá nhân [1], [2].

## 2. Nội dung

### 2.1. Du lịch y tế tại Việt Nam và thế giới

#### 2.1.1. Du lịch y tế

Du lịch y tế là một quá trình đi du lịch ra ngoài quốc gia cư trú với mục đích được điều trị và chăm sóc sức khỏe [3]. Loại hình Du lịch y tế được chia làm 3 loại hình nhỏ, gồm: (1) *Du lịch y tế nội địa hay Du lịch y tế trong nước (domestic medical tourism)*, còn được gọi là du lịch y tế địa phương, là khi các cá nhân đi từ tỉnh, thành, tiểu bang này sang tỉnh, thành, tiểu bang khác trong cùng một quốc gia bản địa của mình để tìm kiếm và sử dụng các dịch vụ chăm sóc sức khỏe. (2) *Du lịch y tế quốc tế hay Du lịch y tế xuyên biên giới (cross-border medical tourism)*, loại hình này khá nổi tiếng trong các nước thuộc Liên minh Châu Âu, theo đó công nhân, người di cư và người về hưu sẽ đi từ quốc gia này sang quốc gia khác để chăm sóc y tế. (3) *Du lịch y tế “Diaspora”* (Diaspora - bắt nguồn từ tiếng Hy Lạp “διασπορά”, có nghĩa là sự di trú của một nhóm người, có cùng nguồn gốc dân tộc, khỏi vùng đất định cư hay vùng đất tổ tiên). Đây là loại hình du lịch y tế đặc biệt dành riêng cho những người có mối liên hệ về bản sắc văn hóa hoặc mối liên hệ gia đình tại nước đến để du lịch y tế. Diaspora có thể bao gồm: kết hợp thăm gia đình, du lịch di sản văn hoá, du lịch y tế, du lịch kinh doanh [4].

#### 2.1.2. Du lịch y tế tại Việt Nam

Trước năm 2015, du lịch y tế ở Việt Nam chủ yếu là loại hình du lịch y tế nội địa, người dân ở các tỉnh lẻ và các địa phương thuộc vùng sâu vùng xa, những nơi có cơ sở khám chữa bệnh còn nghèo nàn và thiếu thốn sẽ đến các thành phố lớn để được khám và chữa bệnh. Mục đích chính của nhóm người này là khám chữa bệnh, hoạt động du lịch tham quan chỉ là mục đích phụ và rất hạn chế về chi tiêu trong du lịch. Các bệnh viện tuyến trên (tại các thành phố lớn) tập trung nhiều y bác sĩ có chuyên môn cao, trang thiết bị và vật tư y tế tốt hơn các bệnh viện tuyến dưới (xã, huyện, tỉnh lẻ) nên thường xuyên gặp phải tình trạng quá tải gây khó khăn cho người khám và cả các nhân viên y tế.

Ngành du lịch cũng chưa khai thác được đối tượng khách tham quan này do người dân chủ yếu tự di chuyển, tự sắp xếp lịch trình tham quan cho mình sau khi được thăm khám bác sĩ tại bệnh viện. Hoạt động y tế du lịch trong giai đoạn này hoàn toàn tự phát và không thông qua đơn vị nghiệp vụ du lịch nào [5], [6].

Từ sau năm 2015, du lịch y tế tại Việt Nam mở rộng về thành phần và nâng cao chất lượng cũng như nhu cầu của người tham gia. Về cơ bản, người dân Việt Nam hình thành nhu cầu khám chữa bệnh kết hợp du lịch nước ngoài, các nước được lựa chọn là các quốc gia phát triển tại Âu - Mỹ (Anh, Mỹ, Canada,...) và một số quốc gia khác tại châu Á (Singapore, Hàn Quốc, Nhật Bản,...). Mặt khác, các bệnh viện lớn của các thành phố trực thuộc trung ương (đặc biệt bệnh viện quốc gia thuộc Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh) đón lượng khách nước ngoài, khách Việt kiều đến thăm khám và chữa bệnh ngày càng nhiều. Lượng khách quốc tế đến Việt Nam không còn là khám các bệnh đơn giản mà đã chuyển sang hình thức điều trị nội trú với các bệnh liên quan đến phẫu thuật (phẫu thuật tim, điều trị các bệnh về nội tạng hoặc ung thư,...)[6].

Trước thực tế trong công tác đón tiếp và chữa bệnh cho khách nước ngoài, khách Việt kiều của các bệnh viện trong các năm qua, ngành Y tế thành phố Hồ Chí Minh nói riêng và các đơn vị y tế tư nhân trên cả nước nói chung đang rất hào hứng với việc hợp tác cùng ngành Du lịch để phát triển loại hình du lịch y tế. Tuy nhiên, ngành Du lịch vẫn đang “chờ” các chính sách mở cửa và các định hướng phát triển cụ thể hơn từ các cơ quan quản lý Nhà nước, bởi lẽ khi đưa khách du lịch nước ngoài về Việt Nam kết hợp khám chữa bệnh, thì ngành Du lịch cần có sự hợp tác của rất nhiều đơn vị, không riêng gì ngành Y tế [7].

#### 2.1.3. Du lịch y tế trên thế giới

Từ thời cổ đại, hoạt động du lịch y tế hay hoạt động du lịch chữa bệnh được biết đến thông qua những chuyến di chuyển khỏi nơi cư trú của con người đến các địa điểm có suối nước nóng hoặc những nơi có khí hậu mát mẻ để chữa một số bệnh da, xương khớp hay thư giãn hoặc chỉ đơn giản là thay đổi không khí. Từ thế kỷ thứ XVIII, hoạt động đi du lịch để chữa bệnh bắt đầu trở thành tập quán của tầng lớp giàu có ở châu Âu và dần trở nên phổ

biển ở tầng lớp trung lưu vào thế kỷ XIX. Ngày nay, kinh tế các nước phát triển, các dịch vụ phục vụ con người, đặc biệt là chi phí dịch vụ y tế lại càng tăng cao, do đó hầu như người dân tầng lớp thấp và trung lưu ở các nước châu Mỹ và Tây Âu đang hình thành nên xu hướng đi tới các nước đang phát triển ở châu Á và Mỹ La tinh để tìm kiếm các dịch vụ y tế có chất lượng y tế tương đương nhưng giá thành lại thấp hơn. Do đó, các quốc gia Ấn Độ, Thái Lan, Malaysia và Singapore đang trở thành điểm đến hấp dẫn, thu hút những khách du lịch y tế giàu có, chủ yếu từ Mỹ và Tây Âu [8].

Theo số liệu thống kê của Trung tâm nghiên cứu Kasikorn (Thái Lan), trong năm 2005 có 1,28 triệu lượt khách du lịch y tế nước ngoài đến Thái Lan, tạo nguồn thu 33 tỷ бат. Số lượng khách du lịch y tế nước ngoài đến Malaysia tăng 3 lần trong khoảng thời gian từ 2001 đến 2006, riêng năm 2006 đã tạo ra nguồn doanh thu khoảng 59 triệu USD. Thái Lan được biết đến với du lịch và y tế chuyên giới; Hàn Quốc với du lịch y tế chuyên về sắc đẹp; Singapore với du lịch y tế công nghệ cao; hay Thổ Nhĩ Kỳ với du lịch chuyên về các bệnh tóc, nha khoa,... Mỗi một quốc gia đang tạo cho riêng họ một thế mạnh riêng về một ngành y tế nhằm đánh giá chất lượng và hình ảnh riêng trong lòng của du khách và những bệnh nhân đã và đang có nhu cầu điều trị bệnh. Các quốc gia có ngành du lịch y tế phát triển đều được đánh giá cao ở chất lượng điều trị (đội ngũ y bác sĩ được đào tạo từ các nước tiên tiến, trang thiết bị tốt), thái độ phục vụ chuyên nghiệp, thông tin y tế rõ ràng, thông tin du lịch luôn được cập nhật và dễ dàng tiếp cận. Đây cũng là những vấn đề đặt ra mà ngành Y tế và ngành Du lịch của nước ta cần học hỏi [9], [10].

## **2.2. SWOT và những vấn đề đặt ra cho hoạt động du lịch y tế tại Việt Nam**

### **2.2.1. Điểm mạnh**

Hệ thống cơ sở y tế của Việt Nam đang được cải thiện từng ngày, ngoài hệ thống bệnh viện công, ngành Y tế Việt Nam đã mở cửa cho các đơn vị đầu tư mở mới các bệnh viện tư nhân theo tiêu chuẩn quốc tế. Đội ngũ nhân lực y tế ngày được đầu tư với các suất học bổng nâng cao tay nghề trong và ngoài nước, tiếp nhận du học sinh tu nghiệp cũng như thực hiện công tác trao đổi cán bộ ngành y từ các quốc gia thuộc khối ASEAN. Mặt khác, nhờ có sự

luân chuyển và tiếp nhận nhân sự y tế từ các quốc gia phát triển mà trình độ chuyên môn, trang thiết bị máy móc phục vụ khám chữa bệnh được nước ngoài ưu tiên cho Việt Nam, hay trình độ nghiên cứu khoa học về ngành y cũng đang được đầu tư và bài bản [10].

Y học cổ truyền Việt Nam còn gọi là thuốc Nam hay là một ngành y học thuộc Đông y với nguồn gốc xuất phát từ Việt Nam thay vì từ Trung Hoa. Hải Thượng Lãn Ông và Tuệ Tĩnh là hai vị Tổ nghề Y của Việt Nam với những nghiên cứu, các tập y thư, bài thuốc quý được sử dụng từ nguồn thực vật và cây thuốc có mặt tại Việt Nam. Y học cổ truyền Việt Nam điều trị và hỗ trợ điều trị các bệnh tim mạch, xương khớp, ung thư, động kinh,..., hay điều dưỡng sức khỏe, chăm sóc sức khỏe người bệnh bằng các phương pháp bấm huyệt, châm cứu, ẩm thực dưỡng sinh kết hợp tập yoga [11]. Nhiều doanh nghiệp kinh doanh điều chế thuốc nam gia truyền đầu tư các cơ sở, hệ thống trồng thuốc kết hợp cho khách hàng tham quan trải nghiệm và kiểm chứng chất lượng thuốc. Hoạt động này thích hợp với tiêu chí của loại hình du lịch sinh thái và du lịch văn hóa trải nghiệm, tuy nhiên chỉ một số ít doanh nghiệp thực hiện tốt được hoạt động tham quan kết hợp này.

Đọc theo chiều dài đất nước, Việt Nam được thiên nhiên ưu đãi các lợi thế về thiên nhiên: nhiệt đới ẩm gió mùa, bờ biển dài, hệ thống mạch nước ngầm nhiều vi chất, bùn khoáng và nước nóng thiên nhiên giàu dưỡng chất. Không ít các doanh nghiệp đã khai thác tốt các lợi thế này vào hoạt động vui chơi, nghỉ dưỡng phục vụ du khách, đặc biệt là loại hình du lịch biển (Phú Quốc, Vũng Tàu, Quảng Ninh, Đà Nẵng,...) và các địa phương có khí hậu ôn đới mát mẻ (Đà Lạt, Sapa, Mộc Châu,...) hay các địa phương có nguồn khoáng nóng (Bình Châu, Nha Trang, Vĩnh Hào, Kim Bôi, ...). Tuy nhiên, các địa phương và doanh nghiệp lữ hành chỉ đang khai thác các tài nguyên này để phục vụ khách du lịch truyền thống chưa đầy mạnh và khai thác tốt các tiềm năng này đối với khách chữa bệnh, hay chưa biến chúng thành điểm thu hút khách trong và ngoài nước.

### **2.2.2. Điểm yếu**

Việc thống kê và xác định đối tượng khách du lịch y tế còn nhiều khó khăn và bất cập. Do mục

đích chính của khách khi nhập cảnh vào Việt Nam đa phần là khám và điều trị bệnh, vậy sẽ có bao nhiêu trong số họ sẽ thực hiện các hoạt động tham quan du lịch. Việc này còn phụ thuộc nhiều vào tình trạng bệnh của khách, thời gian lưu trú, khả năng chi tiêu và tài chính của khách hoặc trạng thái tâm lý hay những thông tin du lịch về đất nước mà họ có. Nhiều năm qua, hoạt động điều trị cho khách nước ngoài được các cơ sở y tế thực hiện thường xuyên, nhưng đơn vị kinh doanh du lịch vẫn chưa mặn mà đầu tư khai thác do còn nhiều điểm chưa thông thoáng và thiếu các bước liên kết của các ban ngành liên quan.

### 2.2.3. Cơ hội

Với tốc độ tăng trưởng kinh tế cao, trình độ dân trí và nhu cầu hưởng thụ của con người ngày càng tăng thì du lịch, chữa bệnh và làm đẹp hiện đang là những nhu cầu không thể thiếu của con người. Xã hội phát triển, kinh tế công nghiệp được đẩy mạnh, việc khai thác và tác động vào tài nguyên thiên nhiên là việc kéo dài và không thể tránh khỏi những tiêu cực về môi trường sống. Do đó, các căn bệnh lạ, chủng loại virus hay nhiều loại bệnh ung thư được phát hiện gây hoang mang và đe dọa sức khỏe con người. Việc ngăn chặn, hạn chế và điều trị các căn bệnh này được người người quan tâm và tìm đến các giải pháp dù mất nhiều chi phí và thời gian, cụ thể như: di chuyển đến một nơi khác (địa phương, quốc gia) để điều trị bệnh hoặc thường xuyên đi du lịch nghỉ dưỡng để phòng tránh các căn bệnh do stress (đột quỵ, trầm cảm,...).

Dịch Covid-19 đã và đang gây nhiều ảnh hưởng cho thế giới do tính đến tháng 5 năm 2021, số lượng người mắc bệnh và số quốc gia có dịch vẫn chưa được khống chế, con số chưa có chiều hướng giảm. Nguồn cung vắc-xin cũng như số lượng và chất lượng vắc-xin vẫn chưa đáp ứng được với nhu cầu cấp thiết đang đặt ra khi mà số dân người mắc bệnh, đội ngũ - trang thiết bị y tế và cả hệ thống chính phủ của các quốc gia còn nhiều lúng túng và hoàn toàn bị động. Từ năm 2020 đến nay Việt Nam được thế giới biết đến như một anh hùng, một quốc gia tiên phong trong phong trào chống dịch và ứng phó tốt với đại dịch Covid-19: có phát đồ điều trị cho từng đối tượng bệnh nặng, điều chế được vắc-xin, làm tốt công tác phòng - chống dịch qua 3 đợt bùng phát, hỗ trợ đón, chăm

sóc và điều trị cho công dân Việt Nam về từ các quốc gia có dịch, chăm lo cho người dân bị ảnh hưởng bởi đại dịch,... Uy tín của Việt Nam nói chung và vị thế về vị thế ngành y tế đang được nâng cao, đây là một tín hiệu tốt cho ngành y tế du lịch của Việt Nam. Mặt khác, đầu năm 2021, vắc xin bắt đầu được tiêm chủng ở một số các quốc gia nhưng vẫn còn nhỏ giọt, phân bổ chủ yếu cho đối tượng ở tuyến đầu chống dịch, vậy nên tầng lớp giàu và siêu giàu trên thế giới bắt đầu hình thành trào lưu di dân hoặc du lịch y tế đến các quốc gia không có hoặc đã thành công chống dịch để được tiêm chủng vắc xin và an toàn trong giai đoạn dịch bệnh có nhiều biến chủng nguy hiểm mới. Đây cũng có thể xem là cơ hội quảng bá cho ngành du lịch và ngành y tế của Việt Nam, do vậy chúng ta cần biến thế bị động này trở thành thế chủ động trong hoạt động quảng bá và kinh doanh du lịch y tế hiện nay.

Ngành Y tế cổ truyền của Việt Nam được quan tâm, đầu tư trong công tác truyền nghề, dạy nghề và nghiên cứu khám chữa bệnh. Tuyên truyền và nâng cao hiểu biết của người dân trong và ngoài nước về phương pháp thực dưỡng giúp phòng và điều trị một số bệnh thường gặp, giúp nâng cao tuổi thọ. Thông qua đó, hình ảnh Việt Nam nói chung và du lịch Việt Nam nói riêng sẽ đến gần hơn với người dân toàn thế giới. Đây còn là một phương pháp quảng bá truyền miệng cực kỳ tốt cho ngành kinh doanh du lịch Việt Nam trong giai đoạn nền kinh tế đang chịu nhiều ảnh hưởng do dịch bệnh như hiện nay. Điều quan trọng hơn hết đó là phát triển du lịch y tế kéo theo những thay đổi có hướng tích cực về tiêu chuẩn chuyên môn kỹ thuật ngành y ở các nước đến, đặc biệt là chứng nhận y tế quốc tế và công nhận quốc tế theo tiêu chuẩn phương Tây.

### 2.2.4. Thách thức

Việt Nam và Trung Quốc hai trong số các quốc gia châu Á được thế giới biết đến với ngành Y học cổ truyền lâu đời, chữa bệnh và hỗ trợ điều trị các bệnh liên quan về cơ - xương khớp, bệnh lý về tiêu hóa,... Định hướng chuyên môn hóa cho ngành y tại Việt Nam, đặc biệt là tìm và quảng bá thế mạnh riêng của ngành Y Việt Nam, tăng sự cạnh tranh, giúp du khách dễ dàng xác định nơi điều trị phù hợp cho sức khỏe của họ, giúp ngành Du lịch và các ngành liên quan thuận tiện trong công tác quảng

bá và quy hoạch chiến lược trong kinh doanh. Mặt khác, ngành Y có thể đầu tư tập trung, tránh dàn trải hạn chế sức hút cũng như vô tình tạo thêm quá nhiều đối thủ cạnh tranh, gây ảnh hưởng đến sức bền trong hoạt động Du lịch y tế của Việt Nam trên thị trường Du lịch y tế quốc tế.

Thời gian chữa bệnh bằng phương pháp thuốc nam kéo dài, do tác dụng của thuốc và các phương pháp châm cứu, bấm huyệt cần đúng liệu trình và nguyên liệu thuốc từ thực vật nên tác dụng chậm hơn so với thuốc tây và các phương pháp phẫu thuật. Mặt khác điều trị theo y học cổ truyền cần sắc thuốc, bó thuốc, châm cứu và bấm huyệt, các hoạt động này đòi hỏi người bệnh có nhiều thời gian, kiên trì do vậy nếu khách du lịch đến Việt Nam thì vấn đề về thời gian visa, khoảng cách từ cơ sở lưu trú đến nơi điều trị cần được tính toán và sắp xếp thật cẩn thận. Một yếu tố khác ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh du lịch y tế quốc tế là bảo hiểm du lịch (y tế, tai nạn) bởi người nước ngoài chọn Việt Nam và các nước châu Á để du lịch y tế là do chi phí điều trị và mức sống người dân cũng tại các nước này vào loại thấp, do đó vấn đề về lạm phát do chênh lệch chi phí và thủ tục chi trả bảo hiểm du lịch cần được quan tâm và có hướng dẫn thực hiện để tránh sai phạm và trục lợi từ các cá nhân và doanh nghiệp du lịch.

Đối với loại hình du lịch y tế nội địa: trong quá trình điều trị cho người dân, có không ít các vụ việc cán bộ ngành y không tuân thủ y đức bị người nhà và các cơ quan báo đài phát hiện. Điều này cũng ảnh hưởng phần nào đến hình ảnh của ngành y, gây không ít hoang mang trong lòng những người dân nước ta và dẫn đơ trong việc lựa chọn điểm đến điều trị bệnh của các đối tượng người nước ngoài. Ngoài ra, chính sách bảo hiểm y tế dành cho người khám chữa bệnh, việc cấp phát thuốc và điều trị nội trú cũng là vấn đề đáng quan tâm khi Việt Nam vẫn còn rất nhiều trường hợp không mua hoặc thẻ bảo hiểm y tế hết hạn nhưng không biết sử dụng. Hay người dân vẫn có tâm lý: thuộc bảo hiểm y tế không tốt bằng thuốc ngoại nhập, khám bảo hiểm không được ưu tiên và xem trọng,...

Một điều không thể phủ nhận là tác động của hiện tượng này đã giúp nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ y tế của các nước này, đặc biệt là kết cấu hạ tầng và nguồn lực y tế. Tuy nhiên, điều này

có thể khuyến khích đầu tư vào các dịch vụ y tế tiên tiến và đắt tiền nhằm đáp ứng nhu cầu của một số ít bệnh nhân có khả năng tài chính cao nhưng lại gây thiệt thòi cho một số đông dân chúng bản địa. Hay vấn đề về giữ chân nguồn nhân lực chất lượng cao, một trong những yếu tố làm nên sự thành công của ngành du lịch y tế các nước. Do Việt Nam đã ký kết Hiệp ước về trao đổi việc làm khối ASEAN được luân chuyển và tự do trong hợp tác lao động giữa các nước trong khối. Hay cơ bản một số vướng mắc của doanh nghiệp lữ hành quốc tế như: vấn đề visa, bảo hiểm du lịch, hệ thống và chất lượng của các cơ sở điều trị, ... cần được hướng dẫn để việc thực hiện chính sách phát triển du lịch Việt Nam trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của Nhà nước được đi vào thực tế.

### **2.3. Đề xuất giải pháp**

#### **2.3.1. Ngành Y tế**

Cần xây dựng hệ thống cơ sở y tế đủ điều kiện phục vụ khách du lịch y tế quốc tế, gồm các thông tin cơ bản: tên cơ sở điều trị (bệnh viện, trung tâm, viện), địa chỉ, chuyên khoa điều trị, thông tin chuyên gia điều trị, cơ sở vật chất phục vụ điều trị,... Đặc biệt cơ sở điều trị cần xác định và đăng ký với cơ quan quản lý về loại hình tiếp nhận điều trị: hình thức bán phần hay toàn phần. Tiếp nhận phục vụ khách du lịch y tế bán phần là cơ sở y tế chỉ kinh doanh phục vụ du khách khám và điều trị bệnh; trái lại, tiếp nhận phục vụ khách du lịch y tế toàn phần là cơ sở y tế kinh doanh phục vụ du khách bao gồm khám điều trị bệnh và điều dưỡng (tức là cơ sở y tế có hai khu vực điều trị và nghi dưỡng để phục vụ khách đến du lịch y tế).

Chú trọng đào tạo đội ngũ nhân viên y tế chuyên nghiệp và chất lượng cao: giới chuyên môn, kỹ năng giao tiếp ngoại ngữ tốt, luôn tuân thủ và thực hiện tốt 12 điều y đức, ... Mặt khác, theo tác giả, cơ quan quản lý ngành Y tế và các đơn vị đầu tư xây dựng cơ sở khám chữa bệnh cần quy hoạch và lựa chọn các địa điểm xây dựng ở các tỉnh thành khác hoặc vùng ven các thành phố lớn. Bởi lẽ trong quá trình phát triển, các thành phố lớn đang tập trung quá nhiều dân cư, cơ sở hạ tầng phục vụ các ngành nghề khác nếu nay các bệnh viện được xây dựng trên quỹ đất ít ỏi còn lại sẽ gây gánh nặng cho chính quyền thành phố, cơ sở hạ tầng địa phương và cả môi trường cũng như mất cân đối về quy

hoạch tổng thể vùng. Trái lại, khi các bệnh viện hoặc trung tâm điều trị chuyên khoa được quy hoạch xây dựng ở các địa phương khác sẽ kích thích các dự án đầu tư xây dựng khác tại địa phương, phân bổ lại nguồn dân cư cũng như quy hoạch lại môi trường sống, môi trường kinh doanh của khu vực.

Riêng các cơ sở kinh doanh điều trị Y học cổ truyền có thể đầu tư cơ sở lưu trú (resort nghỉ dưỡng, dịch vụ nấu thuốc, tập vật lý trị liệu, .... nhằm nâng cao doanh thu và giữ chân du khách đến điều trị lâu dài. Mặt khác, các cơ sở điều trị có thể quy hoạch và xây dựng bổ sung khu điều dưỡng để sau khi khách điều trị tại bệnh viện có thể chuyển sang khu điều dưỡng, nhằm đảm bảo khép kín quy trình điều trị bệnh và bệnh nhân không bỏ sót bất cứ một bước chữa bệnh nào.

Bộ Y tế cần có chính sách hỗ trợ các cơ sở y tế phục vụ khách du lịch quốc tế trong công tác nâng cao kiến thức của đội ngũ nhân lực thường xuyên, xây dựng bộ công cụ đánh giá chất lượng phục vụ và điều trị cho khách du lịch y tế nội địa và khách du lịch y tế quốc tế. Đặc biệt, Bộ cần phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cần (1) Ban hành quy chuẩn cụ thể để đánh giá tiêu chuẩn xếp hạng cho các cơ sở tham gia phục vụ khách du lịch y tế, hay hỗ trợ cơ sở y tế trong việc xin cấp chứng nhận y tế quốc tế về phục vụ khách du lịch y tế. (2) Xây dựng khung giá cho các dịch vụ điều trị, điều dưỡng cơ bản cho các đơn vị y tế cơ sở nhằm quản lý tốt tình trạng “phá giá” và đảm bảo tính minh bạch đối với khách hàng. (3) Thiết lập hệ thống thông tin y tế, thông tin du lịch từ các cấp, chú trọng đến các phương tiện và phương pháp đến gần với mọi đối tượng khách hàng tiềm năng. (4) Sẵn sàng chia sẻ kinh nghiệm và học tập không ngừng kiến thức chuyên môn với bạn bè các quốc gia. (5) Tăng cường phối kết hợp với các ban ngành có liên quan và tổ chức thường xuyên các hoạt động Hội chợ xúc tiến để quảng bá hình ảnh du lịch y tế của Việt Nam, (6) Điều tra dịch tễ và lịch sử bệnh của du khách trước khi tiến hành điều trị và tham quan du lịch tại Việt Nam, ...

### 2.3.2. Ngành Du lịch

Hỗ trợ tư vấn cho các cơ sở y tế có nhu cầu xây dựng bổ sung khu vực nghỉ dưỡng cho khách du lịch lưu trú chữa bệnh. Tăng cường hợp tác, tiếp

nhận thông tin về chuyên ngành điều trị, chính sách hỗ trợ giá và thông tin y học để thực hiện quảng bá cũng như đưa ra các sản phẩm du lịch y tế chất lượng đến với mọi đối tượng khách hàng trong và ngoài nước. Xây dựng hệ thống thông tin du lịch y tế từ cửa khẩu hải quan đến từng bộ phận nhỏ trong chuỗi cung ứng dịch vụ khách hàng (học hỏi từ Thái Lan trong việc cung cấp thông tin dịch vụ cho khách ngay tại sân bay).

Thường xuyên bồi dưỡng và tập huấn cho hướng dẫn viên, doanh nghiệp kinh doanh lữ hành về các thông tin y tế cơ bản và cập nhật liên tục kiến thức về y học, hệ thống cơ sở y tế đạt chuẩn phục vụ khách du lịch của Việt Nam. Xây dựng các sản phẩm chương trình trọn gói hoặc chương trình “combo” để phục vụ từng đối tượng khách đến du lịch và điều trị bệnh (tour hành hương, tour nghỉ dưỡng hoặc tour thăm thân kết hợp,...).

Các cơ sở kinh doanh dịch vụ lưu trú - nghỉ dưỡng có điều kiện cần nghiên cứu và định hướng kinh doanh phục vụ khách theo hình thức điều dưỡng thay vì chỉ kinh doanh theo hướng nghỉ dưỡng thông thường. Ví dụ, resort có thể quy hoạch một khu vực dành riêng cho du khách y tế đến nghỉ dưỡng kết hợp điều trị thuốc nam với các dịch vụ thăm khám, bắt mạch từ lương y, phục vụ sắc thuốc, bổ sung dịch vụ bấm huyệt và tập vật lý trị liệu tại phòng cho khách,... Việc quy hoạch này không làm ảnh hưởng đến các đối tượng khách khác, nhưng lại giúp giữ chân khách và tăng cường dịch vụ kích cầu đối với đối tượng khách du lịch y tế, tăng nguồn thu cho resort trong tình hình dịch bệnh như hiện nay.

### 2.3.3. Các sở ban ngành khác

Cơ quan Hải quan và Bộ Ngoại giao cần hỗ trợ cho khách du lịch trong công tác cấp mới và gia hạn visa cho các đối tượng khách du lịch y tế cũng như hỗ trợ thông tin y tế và du lịch cho khách hàng. Các đơn vị cần phối hợp để đưa ra quy trình chuẩn về việc tiếp nhận khách du lịch quốc tế đến Việt Nam để điều trị bệnh, đặc biệt đối với các bệnh nhân bị bệnh truyền nhiễm hoặc bệnh nhân Covid-19.

Hệ thống vận tải hành khách chú ý vấn đề tiêu độc, khử trùng thường xuyên cũng như hỗ trợ các cơ sở lưu trú, điểm tham quan du lịch trong công tác khử khuẩn, nhất là trong giai đoạn dịch bệnh như hiện nay.

Các địa phương và người dân cần nâng cao thường thức y tế và các công tác phòng dịch để nhanh chóng khống chế dịch bệnh. Từ đó làm cơ sở cho công tác tiếp nhận và điều trị cho bệnh nhân Covid-19 và các bệnh truyền nhiễm nếu có thể. Hoặc Việt Nam chúng ta có thể tăng cường hoạt động hỗ trợ y tế như đã từng tại Nam Sudan vừa qua.

Các cơ quan truyền thông tăng cường đưa tin, sản xuất chương trình quảng bá nâng cao ý thức người dân, cộng đồng địa phương có cơ sở y tế phục vụ khách du lịch y tế. Xây dựng hệ thống truyền thông trong và ngoài nước, đặc biệt chú trọng truyền thông quảng bá ngay trong kiều bào Việt Nam tại nước ngoài. Cơ quan ngoại giao và đại lý lữ hành tại nước ngoài đóng vai trò quan trọng và là cầu nối hiệu quả cho công tác tiếp cận, quảng bá hình ảnh và sản phẩm lữ hành y tế của nước ta tại nước ngoài.

### 3. Kết luận

Sức khỏe và Du lịch là hai trong số các tiêu chuẩn để đánh giá mức sống của người dân một quốc gia. Việt Nam là một quốc gia đang phát triển nhưng lại có nhiều tiềm năng về ngành du lịch và y tế, mang đến nhiều cơ hội và thách thức cho một ngành du lịch y tế sau đại dịch Covid-19. Để đạt được kết quả kinh doanh du lịch y tế, Việt Nam cần sự hỗ trợ và phối hợp nhịp nhàng không chỉ của hai đơn vị chủ công ngành Y tế - ngành Du lịch mà còn là sự đồng lòng tác chiến của các đơn vị Hải quan, Ngoại giao và cả cộng đồng địa phương như Việt Nam chúng ta đã từng làm rất tốt khi đương đầu với đại dịch. Hy vọng rằng, sau đại dịch Việt Nam chúng ta sẽ có thể mang sản phẩm du lịch y tế đến với người dân trong và ngoài nước để thực hiện tốt vai trò chăm sóc sức khỏe con người và đẩy mạnh kinh tế nước nhà.

### REFERENCES

- [1] Ho Chi Minh City Television Station - HTV9. (2018). *Medical tourism at Ho Chi Minh City*. [https://www.youtube.com/watch?v=etk9BxKP\\_v8](https://www.youtube.com/watch?v=etk9BxKP_v8)
- [2] Viet Nam Television Station - VTV24. (2020). *Tourism combined with medical therapy: should or not?*. [https://www.youtube.com/watch?v=nUUuDfl\\_DxY](https://www.youtube.com/watch?v=nUUuDfl_DxY)
- [3] Medical Tourism.com. <https://www.medicaltourism.com/>
- [4] Department of Health of Ho Chi Minh City. (2019). *Three types of medical tourism in the world*. <http://www.medinet.hochiminhcity.gov.vn/chuyen-muc/3-loai-hinh-du-lich-y-te-tren-the-gioi-c4714-12016.aspx>
- [5] Huong, D. L., Luong, N. T. (2013). *Medical tourism in Vietnam, Travel magazines*. <http://www.vtr.org.vn/du-lich-chua-benh-ta%CC%A3i-vie%CC%A3t-nam.html>.
- [6] Chuyển động kinh doanh. (2017). *Medical tourism business*. <https://www.youtube.com/watch?v=nvWAcCeawZI>
- [7] FBNC. (2017). FBNC: Developing medical tourism in the city. Ho Chi Minh City: Health is excited, tourism is waiting. <https://www.youtube.com/watch?v=a8-clGHUQe8>
- [8] Tomislav Mestrovic. (2018). *What is Medical Tourism?*. <https://www.news-medical.net/health/What-is-Medical-Tourism.aspx>, News medical life sciences.
- [9] Viet Nam Television Station - VTV24. (2019). *Turkey develops medical tourism*. Access (link): <https://www.youtube.com/watch?v=Cs2-jGqpuQo>
- [10] Sai Gon Online. (2019). *YDHT: Promote potential development of medical tourism*. <https://www.youtube.com/watch?v=sizdEAQaOxY>.
- [11] Traditional Vietnamese medicine. <https://www.yhocotruyenvietnam.com/>.